

Bạt

Dịch giả Nguyễn Hữu Vinh có nhã ý yêu cầu tôi viết Bạt cho tập thơ dịch này của Anh. Mặc dầu không dám chối từ, nhưng tôi không khỏi băn khoăn, ngại ngùng. Tôi có thể viết gì về một thi tập quý giá, một viên ngọc sáng của một nhà thơ rất mực tài hoa của đất Thần Kinh, mà người đời tôn kính gọi là Thi Ông? Chi xin mạn phép ghi lại đôi dòng cảm nghĩ thô thiển, gọi là chút lòng tri ân của một kẻ hậu sinh cách Thi Ông gần một trăm năm đời.

Một trăm năm, so với lịch sử loài người, là một con số thực nhỏ nhoi, nhưng chỉ vồn vện trong vòng một thế kỷ qua, đất nước và dân tộc Việt Nam đã phải trải qua bao cơn cuồng phong bão tố, đến nỗi không phải chỉ là bể xanh biến thành nương dâu, mà ngay cả chữ viết của người Việt cũng đã biến dạng hẳn, từ một thứ chữ “ô vuông” — chữ Hán và chữ Nôm — đến một thứ chữ viết vay mượn từ chữ latin (abc); ngày nay, không còn bao nhiêu người Việt có thể đọc được những sử liệu, những trang gia phả, hay thưởng thức những tác phẩm viết bằng chữ Hán, chữ Nôm do chính cha ông tiên tổ của mình để lại nữa.

Vì lẽ đó, đành rằng “dịch là phản”¹, nhưng sự ra đời của tập thơ dịch này của Anh Nguyễn Hữu Vinh là một đóng góp cần thiết và đáng trân trọng, để thế hệ trẻ hôm nay và mai sau còn có thể thưởng thức những đoá hoa thơm của thi tài và tư tưởng một bậc đại Nho cuối triều Nguyễn, đồng thời là một “đại thi gia”² của miền Trung nước Việt non một thế kỷ về trước, một tâm hồn Việt Nam dung dị, thanh tao, tự tại, rất huyền mộng, mà hoá ra lại rất thực.

Được biết từ trước đến nay, đã có không ít người trích dịch *Lộc Minh Đình Thi Thảo*³, nhưng đây là lần đầu tiên toàn bộ 197 bài thơ trong thi tập này được ra mắt độc giả với đầy đủ nguyên bản chữ Hán,

¹ “Traduire, c’est trahir”

² Chữ của Cụ Phan Thê Roanh

³ Các Cụ Giản Chi, Thanh Tùng, Thanh Vân Nguyễn Duy Nhường, v.v...

thủ bút của chính tác giả, bản dịch nghĩa và dịch thơ, đồng thời có chú giải cặn kẽ — một điều rất cần thiết, vì tập thơ có khá nhiều điển cố, không phải là dễ đọc.

Dịch giả Nguyễn Hữu Vinh, bằng một sự rung cảm bén nhạy với tâm hồn nhà thơ, với vốn chữ Hán tích lũy được qua hơn 30 năm lưu lạc xứ người (Đài Loan), và với tấm lòng đau đáu hướng về sông Hương núi Ngự mãi không nguôi, đã bỏ ngót hơn bốn năm trời miệt mài tra cứu tài liệu, say mê tìm hiểu tâm hồn Thi Ông, suy tư cân nhắc từng câu từng chữ, để hoàn tất công trình phiên dịch và chú giải tập thơ này. Thơ dịch của Anh trung thực với nguyên bản, mà nhẹ nhàng, thanh thoát; nhiều câu, nhiều bài đọc lên cứ như thơ Nôm, đầy nhạc tính. Xin được trích dẫn đôi bài:

*Lưng trời mây tản cánh chim qua
Ráng nhạt sương loang bóng xế tà
Đồng nội véo von cây cáy hát
Trùng khơi thăm thẳm tiếng chài ca
Gió lùa biển nóng hơi nồng tỏa
Mưa nhẹ non Hồ bóng khuất xa
Bước giẫm đất lạnh qua mấy nẻo
Giang hồ luống mõi mộng chưa già
(Bài 2)*

*... Chập chùng đôi núi lỏng trắng gió
Lấp lánh đường sông gợn ánh nhà
Khách dạo ngập ngừng quanh nẻo lạ
Thuyền đưa mái đẩy dọc sông xa
Ngoảnh đầu tai vắng mưa rào rạt
Thu động cảnh sương ngân tiếng ca
(Bài 4)*

*Say nhìn Đà Nẵng treo gương nguyệt
Rối ngóng chùa không vọng tiếng chuông
Nhàn nhã theo đường hương gió tới
Thơ văn đáng phải chất thành chồng⁴
(Bài 9)*

⁴ Thi thiên ứng trịch mãn thi đồng (làm thơ cho thật nhiều, cho đầy ắp ống đựng giấy làm thơ).

*Hải Vân cao ngất hướng trời trong
Xua rẽ sương mây đón ánh hồng
Đúng lúc lên chơi vui hứng vịnh
Thường đây mây tỏa khói xây lồng*
(Bài 107)

Và nhiều nữa...

Thời đại của Thi Ông Ứng Bình Thúc Gia Thị — những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX — là một giai đoạn đầy nhiễu nhiễu, tối tăm mờ mịt, với biết bao thống khổ bi đát do chính con người mang đến cho con người bởi lòng tham, thù hận, và vô minh. Thế nhưng, lạ thay, suốt thi tập *Lộc Minh Đình* không có hề có bóng dáng của đạn bom, khói lửa, tranh giành, giết chóc... Vượt lên trên những con sóng lao xao của thời thế, *Lộc Minh Đình* — với nét diễm lệ cổ kính của Đường thi — mang đến cho người đọc gần hai trăm mảng tranh sống động và lung linh đẹp của sự sống nhiệm mầu quanh ta, mà ta chỉ cần mở cửa sổ tâm hồn ra, là ánh sáng của cái Đẹp ấy sẽ ùa vào, sưởi ấm hồn ta, làm tan chảy những tảng băng tuyết, xua tan màn đêm hắc ám của khổ đau, mang đến cho ta một nguồn sinh lực vô biên, để rồi tâm bản nhiên của ta lại hoà thành một với luồng ánh chan hoà ấy.

Cái đẹp của Thiên Nhiên và Tình Người là dòng sữa trắng không những đã nuôi dưỡng tâm hồn của Thi Ông mà còn làm nên chất thơ của *Lộc Minh Đình*.

Trong *Bài Tựa Truyện Kiều*, Mộng Liên Đường chủ nhân có viết: “*Phàm người đã ít tình, tất là không có tài, chỉ nửa loà, nửa sáng, sống chết trong vòng áo mũ, trong cuộc no say, dù có gặp cái cảnh thanh nhā như hoa thơm buổi sáng, trăng tỏ ban đêm, cũng chỉ trơ trơ như cây cỏ, như cá chim vậy.*”

Thi Ông là một người đa tình. Tâm hồn của Thi Ông như một sợi dây đàn căng cứng, sẵn sàng rung động trước bất kỳ cái Đẹp nào, dù đơn sơ, giản dị nhất, của vũ trụ và nhân gian: một cơn gió thổi qua, sương rơi đầy cành; tiếng hát nông phu dội trên sóng biển; tiếng mưa rơi lác đác trên mặt hồ; tiếng ve sâu ngâm vang; tiếng chim khúc khích trên đầu cành mai; một chiếc lá rơi xuống ao; một con cá lớn vừa nhảy lên mặt nước; giậu hoa vàng mới nở; một cánh bướm vờn quanh; một ráng mây

hông cuối chân trời... Có khi, Thi Ông tiếp xúc với thiên nhiên như một thiên sư, nghe rõ cả tiếng gió thổi lay tàu lá chuối, lúc dài, lúc ngắn. Hễ bước chân của Thi Ông đi đến đâu là cảnh vật nơi ấy bước vào thơ. Cảnh thiên nhiên trong thơ của Thi Ông thấp thoáng giữa siêu và thực, giữa cõi đời và cõi mộng, như sương khói lãng đãng trên mặt biển, như mây mù phủ giăng đầu núi, như một cánh chim chiều thoáng hiện sau đám mây nhạt xa xa rồi mất hút vào hư không (bài 108).

Thi Ông yêu cái Đẹp, dù đó là cảnh vật hay con người. Có duyên tương phùng với cô đào Lai Châu nức tiếng trên dòng sông Thạch Hãn, mà không được giai nhân nở cho một nụ cười, chỉ gởi lại một cái cúi đầu chào kính cẩn, nét mặt đượm một nét buồn thương khó hiểu, lòng dạ quan lớn như tờ vò, chỉ còn biết tầm tặc mỹ nhân một cành mai mới nở, trong ngâm ngùi thương tiếc:

*...Gặp gỡ không lời sầu héo hắt
Chia tay đầu cúi nén buồn thương
Đoạn trường khổ nỗi lòng quan lớn
Ân ái tình sâu nợ với chàng
Cầm tặng cành mai hoa mới nở...
(Bài 17⁵)*

Trăng kia còn có khi mờ khi tỏ, Thi Ông cũng có lúc buồn, nhưng cái buồn trong thi tập chỉ là một nét sầu man man, lãng mạn, trữ tình. Ngay cả lúc vừa mất đi một người em thân thiết, mà nỗi buồn vẫn thanh tươi như một cánh nhạn vút lên trời xanh, đẹp như một chiếc lá thu, rào rạt như một cơn gió chiều:

*Lạnh về đàn nhạn vút trời xanh
Thu muộn vàng trông ngập lá cành
Nhớ thuở họa thơ đình hóng mát
Gió chiều rào rạt lệ rơi nhanh
(Bài 157⁶)*

Có thể nói rằng thơ của Thi Ông *thấy khổ* mà không *lụy vì khổ*, vì Thi Ông tuy là một nhà Nho, đầu đội ơn vua, ngày ngày *lo chuyện thờ*

⁵ “Mùa đông tháng 10 gặp cô đào Lai Châu trên dòng sông Hãn”

⁶ “Chiều ngày 26 tháng 9 mùa thu năm Bính Tý (1936) chèo thuyền ngang qua bên đình hóng mát của em quá cố là quan Hiệp Quỳ Thúc Thuyên cảm lòng”

cúng, giữ đạo hiếu trung, cung kính vua Thuần, thờ Đức Khổng tử (bài 11) nhưng lại thấm nhuần tư tưởng Phật giáo:

*Chữ Phật trong lòng tôi có sẵn
Rồi đây tôi cũng áo cà sa
(Bài “Nguyện tu”, sáng tác vào năm 1960.⁷)*

Thi tập có nhiều bài thơ biểu lộ tư tưởng Phật giáo sâu sắc của tác giả. Và điều này cũng thể hiện rõ nét trong nhân sinh quan của Thi Ông: chẳng màng đến công danh phú quý, chỉ thích sống cuộc đời rau dưa đạm bạc, thích làm thơ, uống rượu với bạn thơ, tiêu dao với người ở cửa Phật, gầy đàn, trồng hoa... Chữ Nhân của người xưa là Đạo, là một triết lý sống, chứ không phải là một thái độ trốn tránh hay lãng quên đời.

*Còn được Vua quan tâm, ân Vua còn nặng
Tâm thân còn hữu ích thì sống an nhàn sao được!
(Bài 141 ⁸)*

Đọc *Lộc Minh Đình*, cứ ngỡ như lên cõi non bồng diễm ảo. Không phải vì đời không khổ, mà vì tâm người đã vượt lên trên khổ đau.

Bây giờ là một đêm Thu trăng sáng, thuyền lững lờ xuôi theo dòng nước dập dềnh, tiếng đàn tỳ bà và tiếng sáo xen lẫn tiếng nhạn quyện trong không gian, thi nhân thông dong uống trà, làm thơ, rồi khoan khoái gỏi mình lên mạn thuyền ngập ánh trăng mà đi vào giấc mộng mơ màng:

*Một chiếc thuyền con thả lững lờ
Thu sầu nhạn lẻ gọi băng quơ
...Mạn thuyền say mộng bên rèm cuốn
Ngược mắt trăng chờ bên gối mơ
(Bài 190 ⁹)*

Là huyền mộng chăng?

⁷ Thơ Quốc Ngữ, dẫn theo Cụ Phan Thê Roanh

⁸ “Họa đáp thơ mừng của quan Các Thần Học Sĩ Minh Châu Trần Trinh Cáp về hưu nhưng được sắc Vua bổ sung vào chức Ngự Tiền soạn dịch”

⁹ “Cảm tác trong đêm trung thu chèo thuyền thưởng trăng năm Tân Tỵ 1941”

Ôi, kiếp phù sinh như bóng câu qua cửa sổ, hoa nở đầy rồi tàn.
Đâu là mộng, đâu là thực, xin được mượn hai câu thơ mà Tố Như xưa đã
thốt lên cuối một bài thơ ngẫu hứng:

*Tri giao quáĩ ngã sầu đã mộng
Thiên hạ hà nhân bất mộng trung?*¹⁰

*Bạn bè thường lấy làm lạ sao ta hay sầu mộng,
Thiên hạ ai là người không sống trong mộng?*

Xin đốt một nén hương trầm cho anh hồn Người Xưa còn phảng
phất quanh đây.

Hoài Hương TRẦN UYÊN THI
Cần bặt
Virginia, USA
December 03, 2008

¹⁰ “Ngẫu Đề”, Thơ chữ Hán của Nguyễn Du